

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2371/NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 05 tháng 10 năm 2026

V/v mời báo giá Vật tư thay thế hệ thống Bơm của
NMĐ Sông Hậu 1

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Vật tư thay thế hệ thống Bơm của NMNĐ Sông Hậu 1” đề nghị Quý Công ty quan tâm và cung cấp báo giá cho hàng hóa, dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: như Phụ lục đính kèm.
2. Tiến độ thực hiện: Nhà thầu chào tiến độ sớm nhất có thể để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm thực hiện công việc: NMNĐ Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 17h00 ngày 19/10/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương Mại – NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

Email: dongpv@pvpgb.vn; minhnhq01@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn;
hunglt@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu VT, TM (P.V.Đ).

Đính kèm:

- Phụ lục: Danh mục Vật tư thay thế Valve Tuabin của NMĐ Sông Hậu 1

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC
Mua sắm Vật tư thay thế hệ thống Bơm của NMD Sông Hậu 1
(Đính kèm công văn số: 2371/NMDSH1-TM ngày 05 tháng 10 năm 2026)

STT Hệ thống	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
I		PAF	FAN TYPE: L3N 2016.00.00 DBV6F	Howden		SH1-DHI-P1HLB-M-M01-MAN-1644 (Page: 77)			
1	51720006	Transfer Gear Pumps	KF 12 RF 2	HYDAC	EU/G7	SH1-DHI-P1HLB-M-M01-MAN-1644 (Page: 108)	2	PC	*
II		GAH	TYPE & SIZE: 2xCVUP3 13.2/2000	Doosan		SH1-DHI-P0HLD-M-M01-MAN-1665 (page: 37,38,43)			
2	53295034	Air Motor	DV20 0 191 - 05	PSI	Châu Âu/G7/OECD	P2	1	PC	*
3	51712004	Grid coupling	70SV	JAC	Châu Âu/G7/OECD	P4	1	PC	*
4	51712010	Grid coupling	60SV	JAC	Châu Âu/G7/OECD	P5	1	PC	*
5	53226009	Pump (Anti-clock wise swril)	TOP-N320H, including a pressure relief valve		EU/G7	No: 04	2	PC	*
6	53226011	Pump (Clock wise swril)	TOP-N320H, including a pressure relief valve		EU/G7	No: 04	2	PC	*
III		Light Oil Burner System		Doosan		SH1-DHI-P1HHB-M-M01-DGA-1003			
7	48591006	O-RING	2.4Tx13.8 I/D (P14) Material: FFPM		Châu Âu/G7/OECD	No: 12	250	PC	*



nh

STT Hệ thống	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
		Condenser vacuum pump	Pump type: Liquid Ring Model: TC10 'Number of stage: 2 Holding capacity: 20.0 Sft3/m Holding suction pressure: 0.074 (55.5) bara(mmHgA) Pump speed: 500 rpm Pump discharg pressure: 1.013 barg Pump body pressure: 1.3 barg	Gardner Denver Nash		SH1-DHI-P1MAJ-M-M01-DAS-3745 'Dwg.: 24-2847			
8	51700279	Slinger			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 3	2	PC	*
9	51700280	Tension spring			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 3-1	2	PC	*
10	51700281	Lip seal			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 5	2	PC	*
11	51700282	Lip seal			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 5-1	1	PC	*
12	51700283	Lantern gland			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 10	2	PC	*
13	51700284	Body gasket, Drive End (TC-10)			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 101-3	6	PC	*
14	51700285	Body gasket, Idle End (TC-10)			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 101-4	6	PC	*
15	51700286	Cone Gasket, Drive End			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 104-3	1	PC	*
16	51700287	Cone Gasket, Idle End			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 105-3	1	PC	*
17	51700288	Outer bearing cap gasket, driver end			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 115-3	1	PC	*
18	51700289	Inner bearing cap gasket, driver end			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 116-3	1	PC	*
19	50374076	Bearing, Driver end			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 119	1	PC	*
20	50374077	Bearing, Idle end			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 120	1	PC	*
21	51700292	Bearing gasket, Idle end			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 120-3	2	PC	*
22	51700293	Manifold gasket, Driver end			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 134-3	1	PC	*
23	51700294	Manifold gasket, Idle end			Châu Âu/G7/OECD/G20	Part No.: 134-4	1	PC	*
IV		Vacuum Pump	Model Pos:T5SM Type: Liquid Ring Ser No: 1220	Vaccomp		SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412-1 (Page 183, 194, 203-204)			
24	48521073	Mechanical seal	Mech. Seal (2 req.) Type 9 2 1/4-in Dia.	John Crane	Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	1	Set	*

STT Hệ thống	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
25	48577016	Lip Seal (5)	LPD 8494 (2 req.) 2,25x3,125x0,5 in	Johns Manville	Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	1	PC	*
26	48577005	Lip Seal (5-1)	LPD 3965 (1 req.) 1,625x2,5x0,438 in	Johns Manville	Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	1	PC	*
V		Dryer Vacuum Pump	Model Pos:C2SM Type: Liquid Ring Ser No: VC1224	Vaccomp		SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412-1 (Page 183, 194, 203-204)			
27	50184007	Bearing	Bearing for Vacuum Pump Model Pos:C2SM Type: Liquid Ring; Ser No: VC1224		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	2	PC	*
28	48521013	Mechanical seal	Mechanical seal for Vacuum Pump Model Pos:C2SM Type: Liquid Ring; Ser No: VC1224		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	1	Set	*
29	48577003	Lip Seal	Lip Seal for Vacuum Pump Model Pos:C2SM Type: Liquid Ring; Ser No: VC1224		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	2	PC	*
30	48577018	Lip Seal	Lip Seal for Vacuum Pump Model Pos:C2SM Type: Liquid Ring; Ser No: VC1224		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	1	PC	*
VI		Coarse ASH Slurry pumps	Model No.: LTS A 80 x 50H/ Horizontal centrifugal one stage, back pull out type Flow rate: 35 m3/h Total head: 32 m Total head: 32 m Pump speed: 1450 rpm Drive type: V - belt	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING		SH1-LLM10-P0100-M-M03-DSU-0055 sheet 3/7			
31	51711047	SHAFT SLEEVE	material: STAILNESS STEEL Standard: ASTM CA-40 HARD SURFACE	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING	Việt Nam	No.: 37	4	pc	*
32	51710016	IMPELLER	material: 25% Cr ALLOY CAST IRON Standard: ASTM A532 cl.III typ.	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING	Việt Nam	No.: 2	2	pc	*

STT Hệ thống	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
33	51700398	VOLUTE CASING FOR COARSE ASH SLURRY PUMP	Drawing: SH1-LLM10-P0100-M-M03-DSU-0055 R3(page 7); No.:1; Standard:ASTM A532 cl.III typ.A; MATERIAL: 25% Cr ALLOY CASTIRON	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING	Việt Nam	No.:1	2	Cái	*
34	51700435	SHELL INSERT FOR COARSE ASH SLURRY PUMP	Drawing: SH1-LLM10-P0100-M-M03-DSU-0055 R3(page 7); No.:5; Standard:ASTM A532 cl.III typ.A; MATERIAL: 25% Cr ALLOY CASTIRON	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING	Việt Nam	No.:5	2	Cái	*
VII		FLUID COUPLING FOR ASH SLURRY PUMP	MODEL SC-10	FLUIDOMAT		SH1-LLM10-P0100-M-M03-DSU-0067		SET	
35	48574011	Oil seal on (OS)		SKF	Châu Âu/G7/OECD	It. No.: H-37	1	PC	
		Waste Water HC Pump							
36	51710024	Impeller	Material-no: 4.400889 Material: SICcast/EN-GJL-250 (GG25) Use pump Type: MC 50-400	DUCHTING PUMPEN	Châu Âu/G7/OECD		1	Cái	*

Ghi chú: đối với các Mục được đánh dấu (*) tại cột Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất, Nhà thầu phải chào hàng hóa đúng hãng sản xuất như yêu cầu

Yêu cầu khác:

- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

* Lưu ý: Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bằng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa và đính kèm file excel của Bảng báo giá



ml